Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9026.90.00

Mã HS	9026.90.00
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32 / - Bộ phận và phụ kiện
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	10/11/2026 17:42:43
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90269000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18168
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18168
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18168
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17490
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17419
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17419
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17419
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17419
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17419
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17419
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17475
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17475

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17475
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17475
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17475
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17475
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17476
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17476
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17476
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17476
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17476
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17476
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17481
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17437
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17433
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17433
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17433
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17433
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17433
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17433
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17479
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17479
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17479
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17479
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17479
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17479
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17541
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17541

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17541
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17541
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17541
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17541
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17517
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17517
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17517
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17517
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17517
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17517
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17512
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17512
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17512
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17512
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17512
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17512
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17542
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17542
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17542
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17542
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17542
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17542
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17541
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17541
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17541
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17541

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17541
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17541
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17635
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17635
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17635
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17635
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17635
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17635
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17635
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17504
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17504
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17504
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17504
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17504
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17504
RCEP B	2022	2022	0	B!D17504
RCEP B	2023	2023	0	B!E17504
RCEP B	2024	2024	0	B!F17504
RCEP B	2025	2025	0	B!G17504
RCEP B	2026	2026	0	B!H17504
RCEP B	2027	2027	0	B!I17504
RCEP C	2022	2022	0	C!D17502
RCEP C	2023	2023	0	C!E17502
RCEP C	2024	2024	0	C!F17502
RCEP C	2025	2025	0	C!G17502
RCEP C	2026	2026	0	C!H17502

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17502
RCEP D	2022	2022	0	D!D17501
RCEP D	2023	2023	0	D!E17501
RCEP D	2024	2024	0	D!F17501
RCEP D	2025	2025	0	D!G17501
RCEP D	2026	2026	0	D!H17501
RCEP D	2027	2027	0	D!I17501
RCEP E	2022	2022	0	E!D17505
RCEP E	2023	2023	0	E!E17505
RCEP E	2024	2024	0	E!F17505
RCEP E	2025	2025	0	E!G17505
RCEP E	2026	2026	0	E!H17505
RCEP E	2027	2027	0	E!I17505
RCEP F	2022	2022	0	F!D17504
RCEP F	2023	2023	0	F!E17504
RCEP F	2024	2024	0	F!F17504
RCEP F	2025	2025	0	F!G17504
RCEP F	2026	2026	0	F!H17504
RCEP F	2027	2027	0	F!I17504
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16410
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16410
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16410
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16410

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9026.90.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9026.90.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9026.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9026.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18168), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.